

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án tuyến đường kết nối KCN Vân Trung với KCN Quang Châu, tỉnh Bắc Ninh”

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật số 146/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 149/TTr-SNNMT ngày 06/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án tuyến”

đường kết nối KCN Vân Trung với KCN Quang Châu, tỉnh Bắc Ninh” (sau đây gọi là Dự án) của Ban quản lý dự án Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1 (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh, Hội đồng thẩm định theo Quyết định số 32/QĐ-SNNMT ngày 08/01/2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ dự án “Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án tuyến đường kết nối KCN Vân Trung với KCN Quang Châu, tỉnh Bắc Ninh”.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng; UBND phường Nénh, Ban quản lý dự án Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, THĐT; Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN Tân

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án “Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án tuyến đường kết nối KCN Vân Trung với KCN Quang Châu, tỉnh Bắc Ninh”

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: “Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án tuyến đường kết nối KCN Vân Trung với KCN Quang Châu, tỉnh Bắc Ninh”.

- Địa điểm thực hiện: Phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh.

- Chủ dự án đầu tư: Ban quản lý dự án Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi đầu tư: Đầu tư xây dựng mới tuyến đường kết nối KCN Vân Trung với KCN Quang Châu, tỉnh Bắc Ninh theo Quy hoạch đô thị Việt Yên (cũ) với chiều dài dự kiến đầu tư khoảng $L=2$ km; Điểm đầu đoạn tuyến giao với đường Võ Văn Kiệt, điểm cuối giao với ĐT.398 thuộc địa phận phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh; Quy mô chung: chiều rộng nền đường theo mặt cắt ngang quy hoạch $B_{nền}=60m$ (riêng các đoạn tuyến tiếp giáp với các dự án đang triển khai thực hiện, phạm vi đầu tư tính đến ranh giới các dự án tiếp giáp, quy mô chiều rộng mặt cắt ngang xây dựng sẽ điều chỉnh theo phạm vi ranh giới dự án); diện tích đất xây dựng khoảng 10,93ha.

- Quy mô đầu tư:

Quy mô mặt cắt ngang chung của tuyến với chiều rộng nền đường $B_{nền}=60m$, trong đó: Chiều rộng mặt đường phần tuyến chính $B_{mặt}=2 \times 10,5m=21m$; chiều rộng dải phân cách giữa $B_{dpc}=6m$; chiều rộng dải phân cách bên $B_{dpcb}=2 \times 1,5m=3m$; chiều rộng mặt đường bên hai bên tuyến $B_{đb}=2 \times 7,5m=15m$; chiều rộng hè đường và phần mái ta luy hai bên $B_{hè}=2 \times 7,5=15m$.

Tại các đoạn tiếp giáp với các dự án đầu tư đang triển khai thực hiện trong khu vực, quy mô mặt cắt ngang tuyến xây dựng tính đến ranh giới tiếp giáp với các dự án, cụ thể như sau:

+ Đối với đoạn tuyến tiếp giáp với dự án có phạm vi đầu tư bao gồm hè đường, đường bên (nằm về một phía của tuyến đường quy hoạch), chiều rộng nền đường đoạn tuyến $B_{nền}=45m$, trong đó: chiều rộng mặt đường phần tuyến chính $B_{mặt}=2 \times 10,5m=21m$; chiều rộng dải phân cách giữa $B_{dpc}=6m$; chiều rộng dải phân cách bên $B_{dpcb}=2 \times 1,5m=3m$; chiều rộng mặt đường bên (một phía) $B_{đb}=7,5m$; chiều rộng hè đường và taluy (một phía) $B_{hè}=7,5m$.

+ Đối với đoạn tuyến tiếp giáp với dự án có phạm vi đầu tư bao gồm phần hè đường (nằm về một phía của tuyến đường quy hoạch), chiều rộng nền đường đoạn tuyến $B_{nền}=52,5m$, trong đó: chiều rộng mặt đường phần tuyến chính

$B_{\text{mặt}}=2 \times 10,5\text{m}=21\text{m}$; chiều rộng dải phân cách giữa $B_{\text{dpc}}=6\text{m}$; chiều rộng dải phân cách bên $B_{\text{dpcb}}=2 \times 1,5\text{m}=3\text{m}$; chiều rộng mặt đường bên $B_{\text{đb}}=2 \times 7,5\text{m}=15\text{m}$; chiều bề rộng hè đường và taluy (một phía) $B_{\text{hè}}=7,5\text{m}$.

Tại các nút giao trên tuyến, đầu tư mở rộng phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật của tuyến đường, phù hợp với quy hoạch.

Các hạng mục công trình đầu tư trong dự án gồm: nền, mặt đường; hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang; hè đường; hào kỹ thuật, tuynel kỹ thuật; hệ thống chiếu sáng; hệ thống an toàn giao thông,... được đầu tư phù hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

1.3. Công nghệ sản xuất: Dự án không thuộc loại hình sản xuất.

1.4. Phạm vi: Dự án được thực hiện tại phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh với tổng diện tích đất thực hiện khoảng 10,93ha.

1.4.1. Các hạng mục công trình của dự án:

- Các hạng mục công trình chính:

+ Phần đường: Tổng chiều dài tuyến khoảng 2km, bề rộng nền đường $B_n=60,0\text{m}$, bao gồm: bề rộng mặt đường tuyến chính $B_m=2 \times 10,5\text{m}=21,0\text{m}$; bề rộng giải phân cách giữa $B_{\text{gpc}}=6,0\text{m}$; bề rộng giải phân cách bên $B_{\text{gpcb}}=2 \times 1,5\text{m}=3,0\text{m}$; bề rộng mặt đường gom hai bên $B_{\text{dg}}=2 \times 7,5\text{m}=15,0\text{m}$; bề rộng vỉa hè và taluy trái $B_{\text{vht}}=7,5\text{m}$; bề rộng vỉa hè và taluy phải $B_{\text{vhp}}=7,5\text{m}$.

+ Công trình trên tuyến:

++ Hệ thống thoát nước ngang.

++ Hệ thống thoát nước dọc.

++ Các nút giao: Trên tuyến có các nút giao chính gồm: Nút giao với đường Võ Văn Kiệt Km0+000; nút giao với đường tỉnh ĐT.398 Km1+930.

- Các hạng mục công trình phụ trợ: Các công trình phòng hộ và an toàn giao thông như dải phân cách giữa và hai bên tuyến, an toàn giao thông (hệ thống điện chiếu sáng, vạch kẻ đường, biển báo hiệu, cột lý trình, lan can,...).

1.4.2. Hoạt động của dự án đầu tư.

- Hoạt động thi công, xây dựng.

- Hoạt động vận hành dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án chiếm dụng 67.242 m² (khoảng 6,8 ha) ha đất trồng lúa 02 vụ (LUC), là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Giai đoạn thi công:

+ Tác động của nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường. Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình thi công, vệ sinh máy móc, thiết bị xây dựng trên công trường,...

+ Tác động của bụi, khí thải: Phát sinh từ các hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng, từ hoạt động của phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng ra vào công trường, hoạt động của máy móc, phương tiện thi công xây dựng.

+ Tác động của chất thải rắn, chất thải nguy hại: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường và hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế phương tiện, máy móc trên công trường.

+ Tác động của tiếng ồn, độ rung: Phát sinh từ hoạt động của phương tiện thi công trên công trường, các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu.

- Giai đoạn vận hành:

+ Bụi, khí thải: Phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông vận tải đi lại trên tuyến đường khi vào khai thác, sử dụng.

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng cuốn theo các chất bẩn, dầu mỡ bám trên mặt đường, rác (vật liệu rơi, lá cây...) vào đường thoát nước của dự án.

+ Chất thải rắn: Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động vệ sinh mặt đường, bồn cạn phát sinh từ công tác nạo vét định kỳ hệ thống thoát nước của dự án.

+ Tiếng ồn, độ rung: Phát sinh từ các hoạt động của phương tiện lưu thông trên tuyến đường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường với lưu lượng khoảng 10 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật,...

+ Nước thải xây dựng: Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình thi công hoạt động rửa nguyên vật liệu, dưỡng hồ bê tông,... với lưu lượng khoảng 3-5 m³/ngày, từ quá trình rửa xe và làm mát, bảo dưỡng máy móc thiết

bị với lưu lượng khoảng 1,74 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, váng dầu mỡ, BOD₅, COD,...

- Giai đoạn vận hành:

+ Không phát sinh nước thải.

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng cuốn theo các chất bẩn, dầu mỡ bám trên mặt đường, rác (vật liệu rơi, lá cây...) vào đường thoát nước của dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

3.2. Bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Bụi phát sinh từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng, đào đắp, san gạt mặt bằng; từ hoạt động bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng; từ hoạt động thổi bụi làm sạch mặt đường trước khi trải nhựa,... Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng bụi lơ lửng.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển đất san lấp và nguyên, vật liệu xây dựng, hoạt động vận chuyển chất thải đi đổ thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

+ Khí thải (hơi nhựa đường) phát sinh từ quá trình trải nhựa tuyến đường nội bộ. Thông số ô nhiễm đặc trưng là VOC_s,...

+ Khí thải phát sinh từ quá trình hàn. Thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn.

- Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông đi lại trên tuyến đường. Thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.3.1. Chất thải rắn thông thường

a, Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng với khối lượng khoảng 50 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Bao bì, giấy, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện hữu khoảng 7.288,03 tấn. Thành phần chủ yếu là bê tông, gạch vỡ, sắt thép, tôn, đất đá,...

+ Chất thải xây dựng khác khoảng 1,32 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Bao bì xi măng thải, gạch đá, sắt thép thừa,...

b, Giai đoạn vận hành:

Chất thải rắn phát sinh trong quá trình vệ sinh mặt đường và bùn cặn phát sinh từ công tác nạo vét định kỳ hệ thống thoát nước mưa của dự án, với thành phần chủ yếu là lá cây rụng, giấy, gỗ vụn, bùn cặn...

3.3.2. Chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị thi công trên công trường. Thành phần chủ yếu gồm: giẻ lau dính dầu, hộp đựng dầu, dầu mỡ thải, thùng sơn thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, ắc quy,...

- Giai đoạn hoạt động: Không phát sinh.

3.4. Tiếng ồn:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải và máy móc thi công (máy đào, máy xúc, xe trộn bê tông, xe lu, xe ủi,...),...

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ quá trình vận hành của dòng xe trên tuyến đường dự án khi đi vào khai thác, sử dụng.

3.5. Các tác động khác:

Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án có khả năng ảnh hưởng tới hoạt động kinh tế - xã hội, hệ thống giao thông và có khả năng xảy ra sự cố ngập úng, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

a, Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động trong công trường thi công và 02 bể tự hoại loại composite dung tích 5m³/bể để thu gom nước thải sinh hoạt. Định kỳ thuê đơn vị có đủ năng lực đến hút đưa đi xử lý theo quy định, không thải ra môi trường.

- Nước thải thi công:

+ Nước thải vệ sinh dụng cụ, thiết bị: Bố trí khoảng 2-3 thùng phuy chứa nước phục vụ rửa dụng cụ xây dựng, sau đó nước này được tận dụng cho phối trộn vật liệu xây dựng hoặc đập bụi tại khu vực công trường thi công, không thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực. Sử dụng tỷ lệ nước phối trộn vật liệu vừa đủ, hạn chế rò rỉ nước ra ngoài môi trường, đồng thời tiết kiệm nguồn nước.

+ Nước thải từ rửa bánh xe được thu vào hố lắng, tận dụng tưới ẩm công trường, đập bụi, bảo dưỡng bê tông, cụ thể quy trình xử lý như sau:

Nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công → Rãnh thu nước → Hố lắng (tách dầu, lắng cặn) → Nước rửa sau khi được lắng cặn → Tái sử dụng vào mục đích làm ẩm vật liệu đất thải khi vận chuyển và tưới nước đập bụi trên công trường thi công, không thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa trong và xung quanh khu vực thi công theo độ dốc tự nhiên để thu gom nước mưa tránh chảy tràn lan ra bên ngoài.

+ Việc sử dụng rãnh đất kết hợp hồ lắng được điều chỉnh phù hợp vào thời điểm thi công sao cho tiêu thoát triệt để nước mưa, hạn chế ngập úng cục bộ. Đồng thời, kết hợp vạch tuyến cùng quá trình xây dựng hoàn trả kênh mương đảm bảo khả năng kết nối.

+ Ưu tiên thi công hệ thống rãnh thoát nước ngang, thoát nước dọc, hố ga dọc tuyến theo hồ sơ thiết kế.

b, Giai đoạn vận hành:

- Không phát sinh nước thải

- Toàn bộ nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án được thu gom qua hệ thống các tuyến cống kết cấu bê tông cốt thép bố trí đi dưới vỉa hè đường kính có khẩu độ cống tròn từ D600 - D1000 và cống hộp BTCT có kích thước B x H = 2x1m; 2x2m; 2x1,5m và cống dọc dưới giải phân cách giữa nxBxH=2x2,5x2m; hệ thống ga thăm, ga thu kết cấu bê tông cốt thép bố trí trên các tuyến cống với khoảng cách theo yêu cầu kỹ thuật để thu nước về kênh tiêu T1; ngoài ra còn bố trí hoàn trả rãnh xây đấu nối với kênh, mương hiện trạng đảm bảo tiêu, thoát nước theo Biên bản thỏa thuận đấu nối hệ thống thoát mưa của dự án vào hệ thống thoát nước mưa của Phường Nính.

Các công trình tiêu thoát nước mưa, thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, đặc biệt là hệ thống rãnh thoát, hệ thống thu gom, các hố ga phải thường xuyên được duy tu, sửa chữa bảo đảm tốt cho việc tiêu thoát nước (tần suất 03 tháng/lần).

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu (như: đất, cát, xi măng, đá...) và phế thải phải được phủ kín thùng xe để ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường. Cam kết không chở quá khổ, quá tải.

+ Đưa ra lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm. Không vận chuyển vào các giờ cao để giảm thiểu mật độ giao thông.

+ Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công đảm bảo hoạt động trạng thái tốt nhất, hạn chế tiếng ồn và khói thải ở mức thấp nhất.

+ Tiến hành thi công dứt điểm từng công đoạn, từng hạng mục công trình; thực hiện tốt công tác quản lý xây dựng và giám sát thi công trên công trường.

+ Các khu vực nền đất đào đắp xong tới đâu được lu lèn bảo đảm độ cứng theo thiết kế ngay tới đó để tránh phát sinh bụi.

+ Thực hiện phun nước tưới ẩm để dập bụi (tần suất 2 - 4 lần/ngày), tập trung nhiều vào thời điểm hanh khô.

+ Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại công trường và tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập phương án tổ chức thi công; đồng thời tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

+ Các phương tiện đi ra khỏi công trường được vệ sinh sạch sẽ, tránh đất rơi vãi hoặc dính vào bánh xe ra đường.

+ Đối với bụi từ quá trình thổi bụi trước khi rải nhựa: Thi công cuốn chiếu, thực hiện đến đâu dọn sạch đến đó. Thực hiện phun nước tưới ẩm thường xuyên khu vực thi công đặc biệt vào thời tiết khô hanh. Khi thi công qua khu vực đông dân cư sử dụng thiết bị hút bụi để giảm bụi phát tán ra khu vực xung quanh.

+ Đối với công đoạn hàn: Trong quá trình hàn cắt kim loại che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10 m). Không để vảy hàn có nhiệt độ cao tiếp xúc với các vật liệu dễ cháy, phải có biện pháp an toàn phòng cháy, chữa cháy và phương án xử lý cháy, nổ. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp hàn.

- Giai đoạn vận hành:

+ Trong thời kỳ khô nắng kéo dài, ngoài biện pháp thu gom chất bẩn tiên hành phun nước rửa đường bằng thiết bị chuyên dụng.

+ Lắp đặt biển báo: Có biển báo quy định giảm tốc độ.

+ Trồng cây xanh dọc 2 bên đường.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom vào các thùng rác dung tích từ 10 - 120 lít/thùng, có nắp đậy đặt tại khu lán trại điều hành và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, tần suất chuyển giao dự kiến khoảng 2 ngày/lần.

+ Đối với chất thải rắn phát sinh trong quá trình phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng được phân loại để xử lý, cụ thể: Các loại chất thải rắn có thể tái sử dụng được bán cho cơ sở tận thu; các chất thải không thể tái sử dụng được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định bởi các đơn vị có chức năng thông qua hợp đồng kinh tế.

+ Đối với chất thải xây dựng: Tất cả các loại chất thải không thể tận dụng (chất thải từ hoạt động phát quang, bùn đất không thích hợp, đất đào dư thừa, chất thải từ hoạt động phá dỡ và các loại chất thải xây dựng khác) được vận chuyển đến bãi đổ thải theo thỏa thuận với địa phương, trong quá trình đổ thải đảm bảo công tác vệ sinh môi trường tại bãi đổ thải, tránh gây ô nhiễm thứ cấp.

- Giai đoạn vận hành:

+ Tuyên truyền, lắp đặt các biển cấm người dân không vứt rác sinh hoạt ra lòng đường làm ảnh hưởng tới mỹ quan và môi trường sống khu vực.

+ Định kỳ 03 tháng/lần, đơn vị tiếp nhận, quản lý và vận hành dự án có trách nhiệm phối hợp với đơn vị vệ sinh môi trường tiến hành phát quang thực vật, dọn dẹp vệ sinh mặt đường và hai bên lề đường. Chất thải rắn phát sinh được đơn vị vệ sinh môi trường vận chuyển đi xử lý theo quy định ngay sau khi phát sinh.

+ Bố trí các thùng rác công cộng trên tuyến đường để người dân không vứt rác bừa bãi xuống đường

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Bố trí các thùng phi có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại (CTNH). Mỗi thùng chứa CTNH sẽ dán nhãn tên, mã CTNH Các thùng chứa CTNH được lưu chứa tại kho chứa CTNH tạm thời có diện tích 5m² trong khu vực công trường (kết cấu: tôn ghép, nền xi măng, có mái che, cửa lưới thép, có biển cảnh báo).

+ Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định (tần suất chuyên giao tối thiểu 1 năm/lần).

- Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

4.4. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Không sử dụng máy móc, phương tiện vận chuyển có mức ồn >70 dBA hoặc các hoạt động có thể tạo ra mức ồn >70 dBA vào ban đêm (từ 21 ÷ 6h) gần các đối tượng nhạy cảm.

+ Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.

+ Trang bị cho công nhân các phương tiện bảo hộ lao động (mũ bảo hiểm, chụp tai,...) ở vị trí có tiếng ồn lớn để chống ồn, đảm bảo sức khỏe cho công nhân.

- Giai đoạn vận hành:

+ Có biển báo quy định giảm tốc độ.

+ Tổ chức phân luồng giao thông và có ngăn cách các luồng.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.5.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề cho các hộ dân bị ảnh

hưởng; chỉ triển khai thi công xây dựng dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật; nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách nhà nước.

4.5.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

** Giai đoạn thi công, xây dựng*

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

Trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân; lập các quy tắc an toàn lao động và bắt buộc công nhân thi công công trình phải thực hiện theo đúng quy định đề ra.

- Biện pháp giảm thiểu nguy cơ sự cố tai nạn giao thông

Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý tránh tình trạng tập trung xe chuyên chở với mật độ lớn đồng thời tuân thủ tuyệt đối quy định về tốc độ khi lưu hành trên các tuyến đường; bố trí nhân sự thực hiện chỉ dẫn đường để phân luồng giao thông, hạn chế tối đa sự tập trung quá đông các phương tiện giao thông cùng lúc; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố ngập úng

Thiết kế độ cao san nền và kích thước hệ thống thu gom, thoát nước mưa có xem xét đến các kịch bản biến đổi khí hậu, đảm bảo năng lực tiêu thoát nước, không gây ngập úng khu vực dự án và xung quanh, phù hợp với quy hoạch có liên quan, đồng bộ với hệ thống tiêu thoát nước của khu vực và phù hợp với ý kiến chấp thuận của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thi công các hạng mục công trình và hệ thống tiêu thoát nước của dự án theo đúng thiết kế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về dự báo thời tiết, tin tức về các thiên tai có thể xảy ra tại thời điểm thi công xây dựng của khu, vực và các khu vực lân cận để kịp thời có các biện pháp phòng ngừa, ứng phó phù hợp; thường xuyên khơi thông dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước, không gây ngập úng.

** Giai đoạn vận hành*

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó an toàn giao thông

Các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến đường phải chấp hành nghiêm Luật an toàn giao thông và các Luật khác có liên quan theo quy định.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Định kỳ kiểm tra, giám sát hệ thống rãnh thu, hồ lắng, khơi thông dòng chảy các hệ thống thoát nước; thường xuyên cập nhật các số liệu về tình hình mưa lũ, ngập lụt tại địa phương và các khu lân cận; phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quá trình ứng phó sự cố ngập lụt do thiên tai; bố trí lực lượng chuyên môn xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra ngập úng cục bộ tại dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Chương trình quản lý môi trường:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ CTRSH, CTRTT, CTNH theo quy định Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, định kỳ chuyển giao các loại chất thải này cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Thực hiện các biện pháp hạn chế bụi, tiếng ồn phát sinh từ khu vực thi công, thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải thi công đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

5.2. Giám sát môi trường

5.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng (thuộc trách nhiệm của chủ dự án)

* Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại các khu vực giáp ranh với khu dân cư hiện trạng ở khu vực đang thi công (*Các vị trí giám sát sẽ được thay đổi trong phạm vi từng đoạn tuyến để phù hợp với quá trình thi công*).

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, độ rung, SO₂, NO₂, CO.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 06:2025/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.2.2. Giai đoạn vận hành (thuộc trách nhiệm của đơn vị quản lý vận hành)

Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP ngày 10/01/2022; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường, như sau:

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, khoản 9 Điều 1 Nghị

định số 05/2025/NĐ-CP và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình triển khai dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến ảnh hưởng xấu đến các khu vực liền kề.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, úng ngập do việc thực hiện dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của dự án.

- Khối lượng đất đào tận dụng lại cho dự án và đất dư thừa vận chuyển đi (nếu có), chủ dự án phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để kiểm tra, xem xét và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.